TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 18 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 26/05/2020, V/v ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông ***Đỗ Văn Nghiêm***
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông ***Trần Văn Huy***
2. Ông ***Đinh Quang Huấn***

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Phương Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trìtham gia phiên toà: Ông Tô Xuân Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khaivụ án HN&GĐ thụ lý số: 558/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 và Thông báo về việc thay đổi lịch phiên tòa do dịch bệnh Covit 19, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Chị Nguyễn Mai P, sinh năm 1979; Trú tại: tập thể T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. *(có mặt tại phiên tòa)*

***Bị đơn*:** Anh Vũ Văn A, sinh năm 1978; HKTT: tập thể Y, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội (*vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 11/10/2019 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án của chị Nguyễn Mai P trình bày như sau:

Tôi và anh Vũ Văn A được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội vào ngày 25/3/2005. Sau khi kết hôn chúng tôi sống tại Tập thể Y, huyện T, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Văn A không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung, tôi nghi ngờ anh Văn A có quan hệ ngoại tình, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2019 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau cả về kinh tế và tình cảm. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng khắc phục mâu thuẫn nên tôi đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn anh Vũ Văn A.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Vũ Thu T, sinh ngày 21/12/2006 và cháu Vũ Phan H, sinh ngày 17/01/2011. Ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H, anh Văn A nuôi dưỡng cháu T. Hai bên không phải cấp

dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, nhà đất chung: không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về công nợ chung: Tôi khẳng định vợ chồng không có công nợ chung. Nếu sau khi ly hôn có người yêu cầu Tòa án giải quyết về công nợ chung của vợ chồng thì chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Về án phí: Tôi tự nguyện chịu cả án phí theo quy định pháp luật tôi đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án anh Vũ Văn A không có lời khai và quan điểm trình bày.

Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập và thông báo các văn bản tố tụng cho anh Văn A đến Tòa làm việc nhưng anh Văn A không hợp tác, không đến Tòa án làm việc.

Theo các tài liệu Tòa án thu thập tại địa phương: Tổ trưởng tổ dân phố Y – nơi cư trú của anh Văn A cho biết: Anh Văn A và chị P kết hôn từ năm 2005 và sinh sống tại tập thể Y, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội. Quá trình anh chị chung sống tại đây đôi khi cũng thấy anh chị xảy ra to tiếng, cãi nhau, bất đồng quan điểm, lối sống. Mâu thuẫn của anh chị căng thẳng từ cuối năm 2017, thường xuyên thấy anh Văn A đi đêm về khuya. Đến tháng 7/2019 tôi được biết chị P bỏ về nhà mẹ đẻ của chị để sinh sống và không sống cùng anh Văn A tại tập thể Y, thị trấn V, huyện T, Hà Nội nữa. Địa phương không biết anh Văn A làm việc ở đâu. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Thu T, sinh ngày 21/12/2006 và cháu Vũ Phan H, sinh ngày 17/01/2011. Quan điểm của Chính quyền địa phương và Phòng lao động Thương binh và xã hội huyện, Trường hợp anh chị ly hôn thì nên giao mỗi người nuôi một con để đảm bảo điều kiện học tập, sinh hoạt cho các cháu.

Đại diện VKSND huyện Thanh Trì tham gia phiên toà xác định:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định, như: Điều tra, xác minh thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự, nhưng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Mai P; về con chung giao chị P nuôi cháu Vũ Phan H, sinh ngày 17/01/2011. Giao cho anh Vũ Văn A nuôi cháu Vũ Thu T, sinh ngày 21/12/2006. Các bên không phải trợ cấp tiền nuôi con chung cho nhau và được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, nhà đất chung: Chị P xác nhận vợ chồng không có, không tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về công nợ chung: Chị P khẳng định vợ chồng không vay mượn ai, không cho ai vay mượn, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà; ý kiến quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

1. ***Về tố tụng:*** Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Nay nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án ly hôn; Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1, 7 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, anh Vũ Văn A không hợp tác giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Vũ Văn A và áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo luật định [1].

2. ***Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:***

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh Văn A là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện T, Hà Nội vào ngày 22/8/2005, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2019 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tòa án đã khuyên giải cho anh chị P để về doàn tụ nuôi dậy con cái, nhưng chị P vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa chị P và anh Văn A là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị P xin ly hôn với anh Văn A là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp thuận đơn xin ly hôn của chị P; áp dụng Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị P được ly hôn với anh Văn A là có căn cứ [2].

3. ***Về con chung*****:** Xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Thu T, sinh ngày 21/12/2006 và cháu Vũ Phan H, sinh ngày 17/01/2011. Xét điều kiện của các bên và quan điểm của chính quyền địa phương. Hội đồng xét xử giao chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Phan H, sinh ngày 17/01/2011. Giao anh Vũ Phan Anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Thu T, sinh ngày 21/12/2006, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

4.*Về tài sản chung*: Chị P xác nhận không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết [4].

5. ***Về công nợ***: Chị P khẳng định vợ chồng không vay mượn ai, nếu sau khi ly hôn có người nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì chị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật [5].

6. ***Về án phí:***Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội thì chị Pphải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm [6].

7**.** ***Về quyền kháng cáo***: Chị P, anh Văn A có quyền kháng cáo bản án theo luật định [7].

Từ nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Mai P đối với anh Vũ Văn A. Chị P được ly hôn với anh Văn A.

2. ***Về con chung***: Giao chị Nguyễn Mai P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Phan H, sinh ngày 17/01/2011. Giao anh Vũ Phan Anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Vũ Thu T, sinh ngày 21/12/2006, các bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị P xác nhận không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết

4. Về công nợ: Chị P khẳng định vợ chồng không vay mượn ai, nếu sau khi ly hôn có người nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì chị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Mai P phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0009242 ngày 22/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật ./.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đỗ Văn Nghiêm